

QUYẾT ĐỊNH
Về việc công bố công khai dự toán ngân sách năm 2022
của Sở Công Thương tỉnh Lào Cai

GIÁM ĐỐC SỞ CÔNG THƯƠNG TỈNH LÀO CAI

Căn cứ Nghị định số 163/2016/NĐ-CP ngày 21/12/2016 của Chính phủ quy định chi tiết và hướng dẫn thi hành một số điều của Luật Ngân sách nhà nước;

Căn cứ Thông tư số 61/2017/TT-BTC ngày 15/6/2017 của Bộ Tài chính hướng dẫn công khai ngân sách đối với đơn vị dự toán ngân sách, tổ chức được ngân sách nhà nước hỗ trợ và Thông tư số 90/2018/TT-BTC ngày 28/9/2018 của Bộ Tài chính về việc sửa đổi, bổ sung một số điều của Thông tư số 61/2017/TT-BTC;

Căn cứ Quyết định số 59/QĐ-UBND ngày 18/12/2015 của UBND tỉnh Lào Cai Ban hành Quy định vị trí, chức năng, nhiệm vụ, quyền hạn và cơ cấu tổ chức của Sở Công Thương tỉnh Lào Cai và Quyết định số 38/2019/QĐ-UBND ngày 26/8/2019 của UBND tỉnh Lào Cai về việc sửa đổi một số điều của Quy định vị trí, chức năng, nhiệm vụ, quyền hạn và cơ cấu tổ chức của Sở Công Thương tỉnh Lào Cai ban hành kèm theo Quyết định số 59/2015/QĐ-UBND;

Căn cứ Quyết định số 152/QĐ-SCT ngày 21/12/2021 của Sở Công Thương về việc giao dự toán thu, chi ngân sách nhà nước năm 2022.

Xét đề nghị của Chánh Văn phòng Sở Công Thương tỉnh Lào Cai,

QUYẾT ĐỊNH:

Điều 1. Công bố công khai số liệu dự toán ngân sách năm 2022 của Sở Công Thương tỉnh Lào Cai như sau: *(Chi tiết theo biểu đính kèm)*

Điều 2. Quyết định này có hiệu lực kể từ ngày ký.

Điều 3. Chánh Văn phòng Sở, Chánh Thanh tra Sở, Trưởng các phòng chuyên môn, đơn vị liên qua tổ chức thực hiện Quyết định này./.

Nơi nhận:

- Như Điều 3 (QĐ);
- Lãnh đạo Sở;
- Công TTĐT Sở CT;
- Lưu: VT, VP (Lan)



Hoàng Chí Hiên

Đơn vị: Sở Công Thương tỉnh Lào Cai

Chương: 416

DỰ TOÁN THU, CHI NGÂN SÁCH NHÀ NƯỚC

(Kèm theo Quyết định số: 161 /QĐ-SCT ngày 31/12/2021 của Sở Công Thương tỉnh Lào Cai)

(Dùng cho đơn vị sử dụng ngân sách)

ĐVT: đồng

Số TT	Nội dung	Dự toán được giao
1	2	3
A	Tổng số thu, chi, nộp ngân sách phí, lệ phí	500,000,000
I	Số thu phí, lệ phí	500,000,000
1	Phí trong vệ sinh an toàn thực phẩm	10,000,000
2	Phí thẩm định cấp giấy phép sử dụng vật liệu nổ công nghiệp	173,000,000
3	Phí thẩm định thiết kế cơ sở, thiết kế kỹ thuật dự án đầu tư (vốn ngân sách Nhà nước)	75,000,000
4	Phí thẩm định thiết kế cơ sở, thiết kế kỹ thuật dự án đầu tư (vốn không thuộc ngân sách Nhà nước)	193,000,000
5	Phí thẩm định cấp giấy chứng nhận kinh doanh thương mại có điều kiện.	49,000,000
II	Chi từ nguồn thu phí được để lại	
I	Chi quản lý hành chính	352,000,000
a	Kinh phí thực hiện chế độ tự chủ	352,000,000
	Trong đó: trích 40% thực hiện CCTL	141.000.000
b	Kinh phí không thực hiện chế độ tự chủ	0
III	Số phí, lệ phí nộp ngân sách nhà nước	148,000,000
1	Phí trong vệ sinh an toàn thực phẩm	2,000,000
2	Phí thẩm định cấp giấy phép sử dụng vật liệu nổ công nghiệp	17,500,000
3	Phí thẩm định thiết kế cơ sở, thiết kế kỹ thuật dự án đầu tư (vốn ngân sách Nhà nước)	7,500,000
4	Phí thẩm định thiết kế cơ sở, thiết kế kỹ thuật dự án đầu tư (vốn không thuộc ngân sách Nhà nước)	96,500,000

5	Phí thẩm định cấp giấy chứng nhận kinh doanh thương mại có điều kiện.	24,500,000
B	Dự toán chi ngân sách nhà nước	9,272,000,000
I	Nguồn ngân sách trong nước	9,272,000,000
1	Chi quản lý hành chính	8,498,000,000
1.1	Kinh phí thực hiện chế độ tự chủ	7,608,000,000
1.2	Kinh phí không thực hiện chế độ tự chủ	890,000,000
3	Chi sự nghiệp giáo dục, đào tạo và dạy nghề	343,000,000
3.1	Kinh phí nhiệm vụ thường xuyên	
3.2	Kinh phí nhiệm vụ không thường xuyên	343,000,000
6	Chi hoạt động kinh tế	431,000,000
6.1	Kinh phí nhiệm vụ thường xuyên	
6.2	Kinh phí nhiệm vụ không thường xuyên	431,000,000
9	Chi sự nghiệp phát thanh, truyền hình, thông tấn	0
9.1	Kinh phí nhiệm vụ thường xuyên	
9.2	Kinh phí nhiệm vụ không thường xuyên	0